



Số: 51115/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

Phiếu này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số: 46066/PKN-VKNQG ngày 19 tháng 06 năm 2026

- Tên mẫu: Thực phẩm bổ sung LEAN SPORT HYDRATION
- Mã số mẫu: 06269377/DV.1
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH LEAN HEALTHCARE
Địa chỉ: Số 12/178 Phan Trọng Tuệ, Xã Đại Thanh,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Ngày nhận mẫu: 02/06/2026
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian kiểm nghiệm: 08/06/2026 - 06/07/2026
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong tuýp nhựa, thông tin mẫu đánh máy dán trên tuýp, tuýp 10 viên. Thông tin khách hàng cung cấp: Ngày lấy mẫu 12/5/2026.
Số lượng: 6. Số lô: NC0126. NSX: 11/05/2026 - HSD: 11/11/2028.
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	<i>E. coli</i>	TCVN 7924-2:2008	CFU/g	< 10
9.2*	<i>Salmonella</i> spp.	TCVN 10780-1:2017	/25 g	Âm tính
9.3*	Tổng số nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010	CFU/g	< 10
9.4*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	TCVN 4884-1:2015	CFU/g	< 10
9.5*	Hàm lượng Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ)	NIFC.02.M.410 (Ref. AOAC 2020.07)	g/100 g	31,9
9.6*	Hàm lượng Đường tổng số (Fructose, Glucose, Galactose, Sucrose, Maltose, Lactose)	NIFC.02.M.13 (HPLC-RID)	g/100 g	31,2
9.7*	Hàm lượng Lipid	NIFC.02.M.04	g/100 g	0,139
9.8*	Hàm lượng Protein	NIFC.02.M.03	g/100 g	2,42
9.9	Năng lượng (tính từ Protein, Lipid, Carbohydrat (không bao gồm Chất xơ))	NIFC.02.M.06	kcal/100 g	139
9.10*	Hàm lượng Cadmi	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)
9.11*	Hàm lượng Chì	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	0,013



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.12*	Hàm lượng Natri	AOAC 2011.14 (ICP-OES)	mg/100g	$8,17 \times 10^3$
9.13*	Hàm lượng Thủy ngân	NIFC.03.M.45 (Ref. AOAC 2015.01)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)

10. Ghi chú:

- 10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025.
10.2. KPH - Không phát hiện; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
10.3. Kết quả định lượng "không phát hiện vi sinh vật" được biểu thị là $< 1 \text{ CFU/mL}$ (với LOD: 1 CFU/mL) hoặc $< 10 \text{ CFU/g}$ (với LOD: 10 CFU/g);
10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.
10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.
10.6. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.
10.7. Thay đổi đơn vị tính theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

Hà Nội, ngày 06 tháng 07 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA

TS. Vũ Thị Trang

VILAS 203